

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 212/2018/HNGĐ-ST
Ngày 23/8/2018
V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY - TỈNH HẬU GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Trần Ngọc Niềm.

- **Các Hội thẩm nhân dân:** 1/ Ông Ngô Văn Phal.

2/ Bà Nguyễn Thị Tua.

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Quyền
Trân - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy tham gia phiên
tòa:** Ông Nguyễn Đình Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở TAND huyện Vị Thủy mở phiên
tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2018/TLST - HN&GD ngày
15/3/2018 vụ án "**Tranh chấp ly hôn**" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
70/2018/QĐXXST-HN&GD ngày 31/7/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số
77/2018/QĐST-HN&GD ngày 08/8/2018, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Lê Kim N**, sinh năm 1972.

- **Bị đơn:** Ông **Đình Công L**, sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã V4, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Bà **Đinh Ngọc A**.

Địa chỉ: Ấp A, xã V4, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

2/ **Ngân hàng CS**.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T, Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc C, Giám đốc Phòng giao
dịch NHCSXH huyện Vị Thủy.

Địa chỉ: Ấp A, thị trấn V1, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện, quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa nguyên
đơn bà **Lê Kim N** trình bày:* Bà với ông **Đình Công L** tự nguyện sống chung với
nhau vào năm 1990, sau đó có đến Ủy ban nhân dân xã Vị Thanh đăng ký kết hôn

vào ngày 10/4/1994. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm không thể tiếp tục chung sống, nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2004 cho đến nay. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Đinh Công L.

Về con chung: Có 03 con chung là Đinh Công Tân (nam), sinh năm 1991, Đinh Công Hòa, sinh năm 1993 và Đinh Ngọc An (nữ), sinh ngày 15/4/2001.

Đinh Công Tân và Đinh Công Hòa đã trưởng thành, có khả năng tự nuôi sống bản thân nên bà không có ý kiến; đối với Đinh Ngọc An bà đồng ý để ông L tiếp tục nuôi, bà không phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

*Bị đơn ông **Đinh Công L** quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa trình bày:* Thừa nhận nguyên đơn trình bày về quan hệ hôn nhân, con chung là đúng. Ông đồng ý ly hôn.

Về con chung cháu Tân và cháu Hòa đều đã trưởng thành, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên không có yêu cầu; đối với cháu Ngọc An yêu cầu được tiếp tục nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về nợ chung và tài sản chung: Nợ bà Đinh Ngọc A 02 cây vàng 24k, vay năm 1999 và 2000, không có làm biên nhận, vay làm ăn (mua bán lúa); ông yêu cầu bà N phải trả khoản nợ này. Đối với số tiền nợ bà Ngọc A 100.000.000đồng ông tự chịu trách nhiệm với bà Ngọc A.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Đinh Ngọc A** quá trình giải quyết vụ án trình bày:* Khoảng năm 1998-1999 có cho vợ chồng N, L mượn 01 cây vàng 24k (vòng đeo tay, loại vàng thị trường), không có biên nhận, giấy tờ, giao trực tiếp cho bà N ông L tại nhà bà, không ai chứng kiến. Năm 2000 có cho vợ chồng N, L mượn 01 cây vàng 24k (vòng đeo tay, loại vàng thị trường), mục đích làm vốn mua bán lúa, không có biên nhận, giấy tờ, giao trực tiếp cho bà N ông L tại bệnh viện Vĩ Thanh, không ai chứng kiến.

Năm 2014 bà có bỏ ra 160.000.000đồng để điều trị bệnh cho Đinh Công Tân, sau đó ông L trả được 60.000.000đồng, còn lại 100.000.000đồng (tiền do bà vay của người khác giao lại cho ông L), ông L hứa trả dần cho bà.

Bà yêu cầu bà N, ông L trả cho bà 02 cây vàng 24k loại vàng thị trường; 100.000.000đồng vốn + 7.000.000đồng tiền lãi.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Ngân hàng CS**, quá trình giải quyết vụ án trình bày:* Ngày 19/10/2009 ông L có vay 25.800.000đồng, hình thức tín chấp, hạn trả nợ là 12/9/2017. Nay yêu cầu ông L và bà N trả nợ vốn 25.800.000đồng, lãi 13.124.998đồng, tổng cộng là 38.924.998 đồng.

Tuy nhiên, đến ngày 01/8/2018 Ngân hàng rút lại yêu cầu này.

* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự như sau: Từ khi thụ lý đến tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét

xử, Thư ký và các đương sự đều tuân thủ đúng quy định pháp luật về tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Lê Kim N với ông Đinh Công L được thuận tình ly hôn.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

Về con chung đề nghị giao cháu Đinh Ngọc An cho ông L nuôi, bà N chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

PHẦN NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Giữa bà N với ông L kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, ông bà đã ly thân khoảng năm 2004 đến nay, nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông L. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông bà đã trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu, ông L cũng đồng ý ly hôn nên chấp nhận cho ông bà được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Cả bà N và ông L đều thống nhất giao cháu An cho ông L nuôi và không yêu cầu cấp dưỡng, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng cháu An nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông L xác định có nợ bà Ngọc A 02 cây vàng 24k và 100.000.000đồng tiền vốn; Nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam (Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Vị Thủy) 25.800.000đồng tiền vốn. Ông L yêu cầu bà N trả bà Ngọc A 02 cây vàng 24k; ông chịu trách nhiệm trả bà Ngọc A 100.000.000đồng, trả Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam (Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Vị Thủy) 25.800.000đồng vốn vay cùng với lãi suất.

Đối với khoản nợ này bà N cho rằng không hay biết nên không đồng ý trả.

Đối với bà Ngọc A xác định bà N, ông L có nợ bà 02 cây vàng 24k và 100.000.000đồng tiền vốn yêu cầu bà N và ông L phải trả số nợ trên. Sau khi bà Ngọc anh yêu cầu, Tòa án có ra thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 233/TB-TA ngày 20/6/2018 và tổng đạt hợp lệ cho bà ngày 21/6/2018, nhưng hết thời hạn do pháp luật quy định mà bà Ngọc A vẫn không nộp cho Tòa án biên lai thu tiền tạm ứng án phí. Do đó, đối với yêu cầu của bà Ngọc A Tòa án không xem xét trong vụ án này. Bà Ngọc A có quyền khởi kiện thành vụ án khác khi có đủ căn cứ và xét thấy cần thiết.

Đối với Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam (Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Vị Thủy) ngày 20/6/2018 có yêu cầu độc lập, tuy nhiên đến ngày 01/8/2018 đã có đơn rút lại yêu cầu này. Đây là quyền tự định đoạt của đương sự nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này và dành quyền khởi kiện cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam (Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã

hội huyện Vị Thủy) thành vụ án khác.

[4] Xét đề nghị của kiểm sát viên là có cơ sở nên chấp nhận.

[5] Các đương sự còn phải chịu án phí và được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 5; khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 91; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 217; khoản 3 Điều 218; khoản 2 Điều 219; các Điều 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng: Điều 55, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Kim N với ông Đinh Công L thuận tình ly hôn.

2/ Về con chung: Giao cháu Đinh Ngọc An, sinh ngày 15/4/2001 cho ông L nuôi. Bà N chưa phải cấp dưỡng nuôi con, bà N có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở bà N thực hiện quyền này.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4/ Đình chỉ yêu cầu độc lập của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam (Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Vị Thủy) về việc yêu cầu ông L, bà N trả nợ vay tổng cộng là 38.924.998đồng (trong đó: vốn 25.800.000đồng, lãi 13.124.998đồng).

Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam và bà Đinh Ngọc A có quyền khởi kiện thành vụ án khác khi có yêu cầu.

5/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Kim N phải nộp **300.000đ** (Ba trăm nghìn đồng). Chuyển số tiền **300.000đồng** (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai thu số 0015714 ngày 15/3/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vị Thủy thành tiền án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
- UBND xã Vị Thanh, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Ngọc Niềm